TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-01-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Phạm Thị Thúy Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 270/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5247/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ng, sinh năm: 2001

Nơi cư trú: Thôn Cây Đa, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh KIM SANG T, sinh năm 1981

Nơi cư trú: 38 Sangya-ri, Gadeok-myeon-Sangdang-gu Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Ng trình bày:

Chị và anh KIM SANG T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 07 tháng 6 năm 2019. Sau đó, anh KIM SANG T trở về Hàn Quốc. Từ khi anh KIM SANG T trở về nước thì hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Một thời gian sau thì hai người không còn quan tâm, không liên lạc với nhau

nữa. Đến nay nhận thấy tình cảm không còn và không còn khả năng đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh KIM SANG T.

Về con chung: Chị và anh anh KIM SANG T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh KIM SANG T có hợp pháp hóa lãnh sự trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ng gặp gỡ quen biết và tự nguyện muốn đến với nhau. Ngày 07 tháng 6 năm 2019, anh về Việt Nam và làm thủ tục kết hôn với chị Trần Thị Ng tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Sau đó anh trở lại Hàn Quốc. Từ khi anh trở về Hàn Quốc thì mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do sự khác biệt quá lớn về ngôn ngữ, văn hóa, lối sống giữa hai người. Hai người thống nhất làm thủ tục ly hôn. Anh cũng làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Ng.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Ng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Ng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh KIM SANG T, anh KIM SANG T có quốc tịch Hàn Quốc và hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Trần Thị Ng là nguyên đơn và anh KIM SANG T là bị đơn trong vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ng và anh KIM SANG T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị Trần Thị Ng và anh KIM SANG T xác định không còn tình cảm và yêu thương nhau. Anh KIM SANG T đã trở về Hàn Quốc và chủ động muốn ly hôn với chị Trần Thị Ng. Xét việc chị Trần Thị Ng và anh KIM SANG T cùng thuận

tình ly hôn là tự nguyện do mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ng và anh KIM SANG T theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ng và anh KIM SANG T được ly hôn.

2. Về nuôi con chung và tài sản chung: Chị Trần Thị Ng và anh KIM SANG T không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0008297 ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị Ng đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh KIM SANG T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Hồ Điệp